

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2018
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Thi**;
2. Ông **Nguyễn Quốc Thanh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày **10** tháng **01** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2017/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 587/207/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị D**, sinh năm: 1983.
2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn B**, sinh năm: 1985.

Cùng cư trú: Tổ 19, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa các đương sự cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Phạm Thị D, trình bày: Hôn nhân của bà với ông B là do hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào năm 2009. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B ghen tuông vô cớ rồi đánh đập bà. Vì thương chồng con nên bà vẫn tiếp tục chung sống nhưng ông B vẫn nghi ngờ ghen tuông nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đã ly thân từ tháng 12/2016 đến nay.

Về quan hệ con chung: Bà với ông B có 01 con chung tên: Hồ Thị Mỹ Q, sinh ngày: 21/9/2011. Từ khi ly thân đến nay cháu Q sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông B không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ông Hồ Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như lời bà D trình bày. Tuy nhiên, nguyên nhân một phần là do ông quá thương vợ con nhưng bà D điện thoại cho người đàn ông khác nên ông nghi ngờ và đánh bà D. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ly thân. Nay ông còn tình cảm với bà D nên xin được đoàn tụ.

Về con chung: Ông với bà D có 01 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà D trình bày. Hiện nay con chung đang sống chung với bà D. Khi ly hôn, do Tòa quyết định, nếu vợ ông không nuôi được thì giao lại ông nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà D không có tài sản chung và không có nợ chung.

Chứng cứ bà D và ông B cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà D và ông B vẫn bảo lưu ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông B. Vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2009. Yêu cầu của bà D được Tòa án thụ lý giải quyết theo điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông B, HĐXX xét thấy:

Cuộc sống vợ chồng giữa bà D, ông B hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà D cho rằng nguyên nhân là do ông B, ghen tuông vô cớ rồi đánh đập bà. Ông B thừa nhận nhưng cho rằng vì thương vợ nên mới ghe tuông và đánh bà D khi điện thoại cho người đàn ông khác. Xét thấy, ông B đã có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà D cương quyết ly hôn nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung: Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Hồ Thị Mỹ Q, sinh ngày: 21/9/2011, không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Ông B không có ý kiến về con chung, do Tòa quyết định.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay hai cháu Q sống chung với bà D, tình cảm mẹ con đã thật sự gắn bó và hiện tại bà vẫn chăm sóc tốt cho cháu. Do đó, để

đảm bảo sự chăm sóc cho cháu Q, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, sự ổn định về mặt tâm lý, sự gắn bó giữa tình cảm mẹ con. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Q cho bà D được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông B xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: *Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Hồ Văn B.

Về con chung: Bà D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Hồ Thị Mỹ Q, sinh ngày: 21/9/2011. Công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002667 ngày 28/11/2017.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/01/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng